

Số: 265/2024/QĐST-HNGĐ

C, ngày 15 tháng 11 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN CẨM LỆ - THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Căn cứ các điều 212, 213 và 397 của Bộ Luật Tố tụng dân sự;
Căn cứ các điều 55, 58, 81, 82, 83 và 131 Luật Hôn nhân và Gia đình;
Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;
Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;
Căn cứ biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành lập ngày 07 tháng 11 năm 2024 tại Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc hôn nhân gia đình thụ lý số 369/2024/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 10 năm 2024 về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Ông **Trần Vũ L**, sinh năm 1963;
Địa chỉ: Số nhà D đường C, phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng.
- Bà **Ngô Thị H**, sinh năm 1964;
Địa chỉ: Số nhà D đường C, phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa ông **Trần Vũ L** và bà **Ngô Thị H** được xác lập trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện vào năm 1982, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện H, tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng (cũ), hôn nhân trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện. Vì vậy, đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Sau khi kết hôn ông **Trần Vũ L** và bà **Ngô Thị H** chung sống tại địa chỉ thôn T, xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng. Trong quá trình chung sống đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, hay cãi vã, cuộc sống chung không hạnh phúc. Nay, ông **Trần Vũ L** và bà **Ngô Thị H** xét

thấy tình cảm vợ chồng không còn, không còn yêu thương quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau nên ông bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông, bà được thuận tình ly hôn.

Xét thấy, ông **Trần Vũ L** và bà **Ngô Thị H** đã thật sự tự nguyện thuận tình ly hôn, mâu thuẫn giữa ông **Trần Vũ L** và bà **Ngô Thị H** đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, hôn nhân không tồn tại trên thực tế nên cần áp dụng Điều 55 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 chấp nhận đơn yêu cầu thuận tình ly hôn của ông bà.

[2] Về quan hệ con chung: Ông **Trần Vũ L** và bà **Ngô Thị H** xác nhận vợ chồng có 03 con chung: **Trần Thị Kim D**, sinh ngày 20/4/1983; **Trần Quốc T**, sinh ngày 10/12/1995; **Trần Thị Thúy T1**, sinh ngày 19/12/1988. Ông **Trần Vũ L** và bà **Ngô Thị H** xác định các con chung đã trưởng thành (đủ 18 tuổi) nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Về tài sản chung: Ông **Trần Vũ L** và bà **Ngô Thị H** tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về nợ chung: Ông **Trần Vũ L** và bà **Ngô Thị H** cùng xác nhận không có.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông **Trần Vũ L** và bà **Ngô Thị H** tự nguyện thuận tình ly hôn (*Giấy chứng nhận kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện H, tỉnh Quảng Nam Đà Nẵng (cũ)*).

- Về quan hệ con chung: Ông **Trần Vũ L** và bà **Ngô Thị H** xác nhận vợ chồng có 03 con chung: **Trần Thị Kim D**, sinh ngày 20/4/1983; **Trần Quốc T**, sinh ngày 10/12/1995; **Trần Thị Thúy T1**, sinh ngày 19/12/1988. Ông **Trần Vũ L** và bà **Ngô Thị H** xác định các con chung đã đủ 18 tuổi nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Ông **Trần Vũ L** và bà **Ngô Thị H** tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Ông **Trần Vũ L** và bà **Ngô Thị H** cùng xác nhận không có.

2. Lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Ông **Trần Vũ L** và bà **Ngô Thị H** mỗi người phải chịu 150.000 đồng (*Một trăm năm mươi ngàn đồng*) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) đã nộp tại biên lai thu số 0001961 ngày 15/10/2024 của Chi cục thi hành án dân sự quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng. Như vậy, ông **Trần Vũ L** và bà **Ngô Thị H** đã nộp đủ lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận :

- VKSND Q. Cẩm Lệ;
- Chi cục THADS Q. Cẩm Lệ;
- UBND xã Hòa Phong;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Trương Thị Hai